TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2019
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy
2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Hện Đắk R'Lấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Đắk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2019, về việc: "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Hiện vẫn đang sống chung một nhà nhưng không còn thương yêu nhau, không quan tâm đến nhau. Mặc dù vẫn sống chung nhưng đã không sinh hoạt vợ chồng từ tháng 9/2019 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung rất ngột ngạt nên đề nghị Tòa án công nhận anh, chị không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07/11/2003 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/01/2007. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A đến tuổi trưởng thành. Anh T nuôi cháu Nguyễn Văn H đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết vì không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị H chung sống từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn và hiện nay vợ chồng sống không còn hạnh phúc, mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu Tẫn giữa vợ chồng anh là do bất đồng quan điểm sống. Nay anh nhận thấy mục đích của hôn nhân không còn nên đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị H. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề Tòa án công nhận anh chị không phải là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07/11/2003 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/01/2007. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A đến tuổi trưởng thành. Anh nuôi cháu Nguyễn Văn H đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt và cam đoan không có khiếu nại gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị H và anh T không phải là quan hệ vợ chồng. Về con chung giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết việc ly hôn của chị với anh Nguyễn Văn T thì đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn cư trú tại thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

[2]. *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T theo quy định pháp luật.

[3]. *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù sống với nhau kể từ năm 2000 cho đến nay, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường H không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn, không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng là phù H quy định của pháp luật và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Về con chung: Chị H và anh T đều thừa nhận anh chị có 03 con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07/11/2003 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/01/2007. Cháu N đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Chị H và anh T thống nhất là chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A và anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H đến tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom con chung. Xét thấy sự thỏa Tận của các đương sự là tự nguyện và phù H với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đều khẳng định không nợ ai nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khỏan 1 Điều 14, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm tiền nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa Tận của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07/11/2003 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/01/2007 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom con chung.

3. Về cấp dưỡng: Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T xác nhận không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí số 0003146 ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh